

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 05-01-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Lầu.
2. Bà Phạm Ngọc Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 12 năm 2021 và ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 183/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang D, sinh năm 1968. Địa chỉ: số B, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm Pha L (Lâm L), sinh năm 1984. Địa chỉ: số B, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm N (tên CamPuChia là Pen Neang)

Nơi cư trú cuối cùng: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà Lý Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: số B, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông Lý T, sinh năm 1964. Địa chỉ: số H, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt khi tuyên án)

5. Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: số H, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1949. Địa chỉ: số B, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Sơn Thị P sinh năm 1951. Địa chỉ: số K, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Lý N, sinh năm 1951. Địa chỉ: số K, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Lý I, sinh năm 1972. Địa chỉ: số B, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Lý Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: số H, ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người phiên dịch:* Bà Sơn Hồng V - Cán bộ hưu trí. Địa chỉ: số 293, đường P, phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/5/2020, biên bản lấy khai ngày 06/01/2021, các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Quang D trình bày: Cha mẹ ông là ông Trần Quang S (chết năm 1975) và bà Trần Thị K (chết ngày 10/11/2011). Cha mẹ ông có 02 người con gồm các ông Trần Quang D và bà Trần Thị B. Ngoài ra, trước khi mẹ ông sống với cha ông thì mẹ ông có người chồng trước là ông Sơn S (đã chết không rõ thời gian) có 01 người con là bà Sơn Thị Đ [(tên CamPuChia là KIMTHAVY) đã chết năm 2008], có 02 người con là ông Lâm N (đã chết ở Cam Pu Chia không rõ thời gian nào, không biết có vợ con gì không) và ông Lâm Pha L (Lâm L) và mẹ ông không có con nuôi nào khác. Cha ông lúc còn sống không có người vợ nào khác. Ông bà nội ông đều đã chết. Mẹ ông chết không có để lại di chúc.

Trước năm 1975, mẹ ông là bà Trần Thị K được bà ngoại là bà Sơn Thị Đ và ông ngoại thì ông không biết họ tên cho phần đất diện tích 275m², tại thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và mẹ ông sử dụng đến năm 2015 thì chia phần đất này lại cho ba chị em ông là bà Sơn Thị Đ, ông và bà Trần Thị B mỗi người một phần, việc chia đất chỉ nói miệng, không có làm giấy nhưng có ông Lý T, ông Lý I, bà Lý U, bà Lý Thị H là con của bác hai, ông Lý N và ông Lâm O là người cùng xã đều biết và phần đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của mẹ ông chết để lại là diện tích đất 275m² (theo đo đạc thực tế là 469,1 m²), loại đất ở 60,034m² và đất cây lâu năm 409,066 m², thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng thành 03 kỷ phần bằng nhau cho 03 người thừa kế của mẹ ông gồm các ông bà Trần Thị B, ông và bà Sơn Thị Đ (phần của bà Đ giao lại cho Lâm Pha L quản lý).

- Theo biên bản lấy khai ngày 25/5/2020, biên bản lấy khai ngày 06/01/2021, các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Pha L trình bày: Cha mẹ ông là bà Sơn Thị Đ (chết năm 2003), ông Lâm S (chết 2016), cha mẹ ông có hai người con là ông và người anh là Lâm N (Pen Neang) ở Campuchia; ông nghe nói ông N đã chết vào khoảng tháng 9/2020 (chết trước lễ Đolta) và có vợ con, nhưng ông không cung cấp cho Tòa giấy khai tử của ông N cũng như họ tên, địa chỉ của vợ và con ông N cho Tòa được. Đối với ông bà ngoại và các cậu dì thì đúng như ông D khai.

Diện tích đất 275m² (theo đo đạc thực tế là 469,1 m²), loại đất ở 60,034 m² và đất cây lâu năm 409,066 m², thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là của mẹ ông là Sơn Thị Đ chuyển nhượng đất của bà ngoại ông là bà Trần Thị K, giá 02 chỉ vàng 24k, không có làm giấy tờ, khi giao vàng thì giao đất, chuyển nhượng lúc mẹ ông mới lập gia đình, sau đó mẹ ông đi Campuchia để lại phần đất này cho ông sử dụng từ năm ông 06 tuổi đến nay; việc mẹ ông chuyển nhượng đất của bà ngoại thì có bà Trần Thị C, bà Sơn Thị P biết.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của mẹ ông là bà Trần Thị K chết để lại nêu trên thì ông không đồng ý, vì đất này của mẹ ông chuyển nhượng của bà K.

- Theo biên bản lấy khai ngày 06/01/2021, các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T trình bày: Theo yêu cầu khởi kiện của ông D thì bà không đồng ý. Vì đất này là của mẹ chồng bà là bà Sơn Thị Đ (chết năm 2003) chuyển nhượng đất của bà ngoại chồng là bà Trần Thị K, giá 02 chỉ vàng 24k, không có làm giấy tờ, chuyển nhượng lâu rồi, lúc đó chồng bà khoảng 4-5 tuổi, chuyển nhượng cách nay trên 40 năm, hồi xưa chuyển nhượng không có làm giấy tờ, sau khi chuyển nhượng thì mẹ chồng cho lại con cháu ở, cho cũng không có làm giấy tờ.

- Theo biên bản lấy khai ngày 06/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Phần đất tranh chấp là của bà Trần Thị K. Mẹ bà có 03 người con, gồm bà, ông Trần Quang D, bà Sơn Thị Đ là con của chồng trước của mẹ bà đã chết, có 02 người con là Lâm Pha L và Lâm N (đã chết không rõ thời gian nào, có vợ con hay không). Bà có ký tên vào đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2019, đất chuyển nhượng cho bà Lý Thị Đ con ông Lý T, không biết nội dung do ông D kêu ký thì bà ký, chỉ nghe ông D nói chuyển nhượng giá 45.000.000 đồng, không rõ diện tích, không biết ai giao tiền cho ông D, chuyển nhượng lấy tiền trị bệnh cho Lâm N.

Nếu được chia thừa kế thì bà đồng ý nhận.

- Theo biên bản lấy khai ngày 05/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý T trình bày: Theo ông biết phần đất này là của bà Trần Thị K được mẹ là bà Đông cho. Sau khi được mẹ cho thì ông nghe nói bà K cho bà Đ một phần hiện nay Ông L đang ở, phần đất trống kế bên cho ông D và bà B. Ngày 14/01/2019 thì D và B chuyển nhượng lại cho con ông là Lý Thị Đ (đã đi làm ở Bình Dương không về được) chiều ngang 11 mét, chiều dài 25 mét, giá

45.000.000 đồng, con gái ông đã giao đủ tiền nhưng chưa nhận đất vì hai bên đang tranh chấp. Khi ông nhận được các văn bản của Tòa án đưa ông và Đa tham gia tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông có báo cho Đa hay. Phía ông và Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện chuyển nhượng đất giữa Đ với D và B, sau này các bên không thỏa thuận được thì giải quyết thành vụ án khác.

- Tại Công văn số 139/TNMT ngày 30/10/2020 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin như sau:

+ Thửa số 25, tờ bản đồ số 51, diện tích 159,5 m², tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp Giấy chứng nhận, do hộ ông Lâm S đứng tên trong sổ mục kê.

+ Phần đất nêu trên không nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước. Sau khi Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, thì phần đất này đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Quang D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang D về việc chia di sản thừa kế của bà Trần Thị K chết để lại là diện tích đất 275m² (theo đo đạc thực tế là 469,1m²), thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chia di sản thành 03 kỷ phần thừa kế bằng nhau, cho 03 người thừa kế của bà Trần Thị K được hưởng bằng hiện vật quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Trần Quang D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trần Thị K chết để lại là diện tích đất 275m² (theo đo đạc thực tế là 469,1m²), thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, đưa vụ án ra xét xử với quan hệ

pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án các cấp: Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài [(người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm N (Pen Neang) có địa chỉ cư trú tại Cam Pu Chia]; tranh chấp giữa các đương sự có liên quan đến quyền thừa kế của đương sự ở nước ngoài đối với tài sản là bất động sản nằm trên lãnh thổ Việt Nam (*diện tích đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng*). Sau khi thụ lý thì đến ngày 17/6/2020, Tòa án có Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số 50/TTTPDS-TA51 cho Đại sứ quán Việt Nam tại Phnom Penh, Campuchia để ủy thác cho ông Lâm N (Pen Neang) đến ngày 09/7/2020 thì Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia có văn bản số 35/CV-ĐSQ cho rằng ông Lâm N không có sổ nhà nên không tổng đạt được và sau đó Tòa án có nhiều văn bản yêu cầu phía các đương sự cung cấp sổ nhà của ông N, các đương sự trong vụ án không cung cấp được và đến ngày 07/7/2021 thì Tòa án ban hành Thông báo số 622/2021/TB-TA về việc “vụ án được giải quyết theo thủ tục thông thường, không ấn định thời gian giải quyết theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mà không áp dụng Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết;

[3] Bà Trần Thị K (chết ngày 10/11/2011) không có để lại di chúc, đến ngày 07/5/2020 nguyên đơn ông Trần Quang D khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trần Thị K chết để lại là vẫn còn trong thời hiệu chia thừa kế và đúng theo quy định tại Điều 609, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B, ông Lâm N (Pen Neang) và bà Lý Thị Đ; những người làm chứng là ông Lý N, ông Lý I, bà Lý Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Các đương sự thống nhất theo số đo, tứ cận, diện tích đo đạc thực tế tài sản tranh chấp tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá, Biên bản về việc định giá tài sản và Sơ đồ hiện trạng thửa đất cùng ngày 19/6/2020 (từ BL 118 đến 126), cụ thể phần đất tranh chấp có diện tích 469,1m², loại đất đất ở và đất cây lâu năm, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; có tứ cận hướng Đông giáp đất ông Lý N số đo 11,74m + 3,65m, hướng Tây giáp lộ đal số đo 18,11m, hướng Nam giáp đất bà Trần Thị C số đo 1,36m + 27,07m, hướng Bắc giáp đất

ông Lâm Sà R số đo 0,57m + 27,84m; Tổng giá trị $60,034\text{m}^2 \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2 + 409,066 \text{ m}^2 \times 50.000 \text{ đ}/\text{m}^2$ là 35.461.800 đồng.

Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà ở: diện tích $43,29 \text{ m}^2 \times 0,65 \times 3.881.663\text{đ}/\text{m}^2 = 109.224.174\text{đ}$, Mái che: $11,744\text{m}^2 \times 0,9 \times 280.194\text{đồng}/\text{m}^2 = 2.961.538$ đồng và nhà vệ sinh: $5\text{m}^2 \times 0,4 \times 4.083.969 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 8.567.938$ đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 120.753.695 đồng.

[2] Phía nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích $469,1\text{m}^2$, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế của Trần Thị K chết để lại và yêu cầu chia thành 03 kỷ phần bằng nhau. Phía bị đơn ông Lâm Pha L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị T không đồng ý, vì cho rằng phần đất tranh chấp là của bà Sơn Thị Đ là của mẹ ruột và mẹ chồng chuyển nhượng của bà ngoại là bà Trần Thị K lúc Ông L mới 6 tuổi (tức năm 1990) và sử dụng cho đến nay.

[2.1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: các đương sự thừa nhận phần đất trên là của cha mẹ bà K cho bà Trần Thị K cho trước năm 1975. Ông L cùng cha sử dụng phần đất nền nhà ở từ năm 1990, phần đất còn lại là đất trồng và giếng nước nên không ai quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

[2.2] Phía vợ chồng của bị đơn ông Lâm Pha L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị T cho rằng năm 1990, mẹ ruột và mẹ chồng là bà Sơn Thị Đ sang nhượng của bà ngoại là bà Trần Thị K, giá 02 chỉ vàng 24k, không có làm giấy và chỉ có hai người làm chứng là bà Trần Thị C và bà Sơn Thị P chứng kiến. Phía nguyên đơn ông Trần Quang D không thừa nhận. Xét thấy, tại tòa bà C có lời khai có lúc thì nói bà K cho đất cho bà Đ, có lúc nói sang nhượng đất cho bà Đ giá 02 chỉ vàng 24k và phía bà P thì cho rằng bà K cho đất bà Đ, còn vàng thì bà nghe bà C nói lại. Ngoài ra, những người làm chứng khác như ông Lý N, ông Lý I và bà Lý Thị H cho rằng phần đất tranh chấp là của bà K cho ba người con là bà Sơn Thị Đ, ông Trần Quang D và bà Trần Thị B mỗi người một phần đất chứ không có cho hay sang nhượng cho bà Đ hết phần đất tranh chấp. Như vậy, phía Ông L và bà T cho rằng phần đất đang tranh chấp là của bà Đ sang nhượng của bà K nhưng không cung cấp được chứng cứ về việc sang nhượng đất. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định phần đất tranh chấp có diện tích $469,1\text{m}^2$, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế của Trần Thị K chết để lại.

[3] Lúc sinh thời, bà K có 02 người chồng nhưng đã chết trước đây, không còn cha mẹ ruột và 03 người con gồm có bà Sơn Thị Đ (đã chết năm 2008) có 02 người con là Lâm Pha L là bị đơn, Lâm N là người liên quan không rõ địa chỉ; ông D và bà B đây là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 và những người này không từ chối nhận di sản hoặc thuộc trường hợp người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 620, Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bà K chết không có để lại di chúc nên di sản của bà K sẽ được chia đều thành 03 kỷ phần cho 03 đồng thừa kế này được hưởng bằng giá trị hoặc bằng hiện vật quyền sử dụng đất. Bà Đ đã chết, ông N

không rõ địa chỉ nên ký phần của bà Đ tạm thời giao cho Ông L quản lý, sử dụng.

[4] Về việc giao các ký phần cho các đồng thừa kế nhận hiện vật quyền sử dụng đất phải đảm bảo hạn chế sự tranh chấp trong quá trình quản lý, sử dụng đất sau này giữa các đồng thừa kế với nhau hoặc giữa các đồng thừa kế với người thứ ba, trên cơ sở xem xét hiện trạng các tài sản đang tồn tại trên đất. Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất thì di sản của bà K là phần đất có diện tích $469,1\text{m}^2$ sẽ được chia thành 03 ký phần được đánh số thứ tự từ 01 đến 03, là các phần đất cạnh hướng Tây đều có số đo 02 phần là 6,03m, phần còn lại 6,05m và cạnh hướng tây đều có số đo 5,13m với diện tích của mỗi phần đất là khoảng từ $155,8\text{m}^2$ đến $157,5\text{m}^2$.

[4.1] Trên ký phần là phần đất được đánh số thứ tự 03 ($155,8\text{m}^2$) có 01 căn nhà bê tông cốt thép, tường 10, gạch ceramic, mái tol xirbo xi măng, không trần cửa nhôm có diện tích $43,29\text{m}^2$ ($3,9\text{m} \times 11,1\text{m}$); mái che: cột kèo thép, mái tol có diện tích $11,744\text{m}^2$ ($3,9\text{m} \times 3,67\text{m}$) và nhà vệ sinh: tường 10, không tô chét, 01 hầm cầu, mái tol, không cửa có diện tích 5m^2 ($2,5\text{m} \times 2\text{m}$) của vợ chồng ông Lâm Pha L và bà Lý Thị T. Xét thấy, nên cần giao ký phần là phần đất đánh số thứ tự 03 ($155,8\text{m}^2$) cho Ông L tạm thời quản lý, sử dụng là phù hợp, vì bà Đ đã chết, còn ông N hiện nay không rõ địa chỉ.

[4.2] Do ký phần là phần đất được đánh số thứ tự 01 ($157,5\text{m}^2$) đã được giao cho ông D, nên cần giao ký phần là phần đất được đánh số thứ tự 02 ($155,8\text{m}^2$) cho bà B để thuận tiện cho việc sử dụng đất của các bên sau này.

[4.3] Tuy các ký phần là các phần đất nêu trên có sự chênh lệch không lớn ($157,5 - 155,8$) là $1,7\text{m}^2$ và phần giá trị đất [(đất ở: $60,034\text{m}^2 \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2$) $15.008.500\text{đ} + (96,466\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2)$ $4.823.300\text{đ}$] $19.831.800$ đồng do Ông L quản lý, sử dụng đất cất nhà ở; ông D, bà B nhận được các ký phần là các phần đất cây lâu năm có giá trị thấp hơn của mỗi người là $7.815.000$ đồng và ông D, bà B đồng ý không yêu cầu xem xét về giá đất chênh lệch giữa các đồng thừa kế; còn Ông L, bà B là những người nhận được các ký phần là các phần đất ít hơn là ông D và Ông L, bà B đồng ý không yêu cầu xem xét về việc hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét về vấn đề này.

[4.4] Do Ông L và bà T là người cùng gia đình đang quản lý, sử dụng đất tại các ký phần là các phần đất được đánh số thứ tự 01 và 02 được giao cho các đồng thừa kế khác, nên Ông L và bà T cùng gia đình ông bà có nghĩa vụ giao trả lại đất cho các đồng thừa kế khác.

[5] Đối với ông Lý T và bà Lý Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng có sang nhượng của ông Trần Quang D và bà Trần Thị B diện tích $H,1\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng hiện nay do ông D, Ông L và bà B đang tranh chấp thì ông T, bà Đ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các bên không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết thành vụ án khác. Xét thấy, các đương sự không yêu cầu giải phần đất sang nhượng trong vụ án chia thừa kế này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà K chết để lại là phần đất diện tích 275m^2 (theo đo đạc thực tế là $469,1\text{m}^2$), loại đất ở và đất cây hàng năm, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng thành 03 kỳ phần bằng nhau cho 03 đồng thừa kế của bà K được hưởng theo hướng đã phân tích nêu trên.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng là chi phí thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng là 6.750.000đồng: Ông Trần Quang D, bà Trần Thị B và ông Lâm Pha L mỗi người phải chịu là $6.750.000\text{đồng} : 3 = 2.250.000\text{đồng}$, theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông D đã nộp tạm ứng trước toàn bộ chi phí này nên bà B và Ông L mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông D số tiền là 2.250.000đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông D, bà B và Ông L mỗi người phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỳ phần thừa kế mà mỗi người được chia, cụ thể ông D phải chịu $(157,5\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2) \times 5\% = 393.750\text{đồng}$; bà B phải chịu $(155,8\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2) \times 5\% = 389.500\text{đồng}$; Ông L phải chịu $(60,034\text{m}^2 \times 250.000\text{đ}/\text{m}^2 + 95.766\text{m}^2 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^2) \times 5\% = 989.840\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59, Điều 609, 612, Điều 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trần Thị K chết để lại là phần đất diện tích 275m^2 (theo đo đạc thực tế là $469,1\text{m}^2$), loại đất ở và đất cây hàng năm, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 51, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lâm S đứng tên sổ mục kê.

1.1. Công nhận phần đất nêu trên với tổng giá trị 35.461.800đồng là di sản thừa kế của bà Trần Thị K chết để lại. Phần đất có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất ông Lý N số đo 11,74m + 3,65m;
- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 18,11m;
- Hướng Nam giáp đất bà Trần Thị C số đo 1,36m + 27,07m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Sà R số đo 0,57 + 27,84m.

1.2. Chia di sản thừa kế của bà Trần Thị K chết để lại là phần đất nêu trên thành 03 kỷ phần có giá trị tương ứng mỗi kỷ phần là 11.820.600đồng cho 03 đồng thừa kế của bà Trần Thị K gồm các ông bà Sơn Thị Đ, ông Trần Quang D và bà Trần Thị B được hưởng, cụ thể như sau:

1.2.1. Ông Trần Quang D được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 01 (diện tích 157,5m²) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất ông Lý N số đo 5,13m;
- Hướng Tây giáp lộ bê tông số đo 6,03m;
- Hướng Nam giáp đất bà Trần Thị B (được đánh số 2) số đo 28,04m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Lâm Sà R số đo 0,57m + 27,84m;

1.2.2. Bà Trần Thị B được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 02 (diện tích 155,8m²) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất ông Lý N số đo 5,13m;
- Hướng Tây giáp lộ bê tông số đo 6,03m;
- Hướng Nam giáp phần đất (Lâm L) được đánh số thứ tự 03 số đo 27,76m;

- Hướng Bắc giáp phần đất (Trần Quang D) được đánh số thứ tự 01 số đo 28,04m;

1.2.3. Bà Sơn Thị Đ được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 03 (diện tích 95,766 m² đất lâu năm và 60,034 m² đất ở) số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất ông Lý N số đo 5,13m;
- Hướng Tây giáp lộ bê tông số đo 6,05m;
- Hướng Nam giáp phần đất (Trần Thị C) số đo 1,36m + 27,07m;
- Hướng Bắc giáp phần đất (Trần Thị B) được đánh số thứ tự 02 số đo 28,04m;

Kỷ phần của bà Sơn Thị Đ giao cho ông Lâm Pha L người trực tiếp quản lý, sử dụng vì bà Đ đã chết, ông N hiện nay không rõ địa chỉ.

1.2.4. Ông Lâm L và Lý Thị T cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Trần Quang D phần đất được đánh số thứ tự 01 (157,5m²); giao trả cho bà Trần Thị B phần đất được đánh số thứ tự 02 (155,8m²) nêu trên.

(Các phần đất nêu trên có sơ đồ hiện trạng thừa đất kèm theo bản án)

1.2.5. Về phần đất và giá trị đất chênh lệch các đương sự không yêu cầu trả giá trị bằng tiền.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng là 6.750.000 đồng:

2.1. Ông Trần Quang D phải chịu 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và đã thực hiện xong.

2.2. Bà Trần Thị B và ông Lâm L mỗi người phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Quang D số tiền 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Quang D phải chịu 393.750 đồng (*Ba trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 5H.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0004016 ngày 07/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trần Quang D được nhận lại số tiền thừa 178.250 đồng (*Một trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

3.2. Bà Trần Thị B phải chịu 389.500 đồng (*Ba trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng*).

3.3. Ông Lâm L phải chịu 989.840 đồng (*Chín trăm tám mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng*).

4. Chi phí ủy thác tư pháp: Ông Trần Quang D đồng ý nộp 200.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0008018 ngày 05/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Trần Quang D đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (10);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng KTNV-THA (01)
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Phụng